

Số: 965 /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đối với tuyển sinh và đào tạo trình độ
thạc sĩ, trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-ĐHGTVT ngày 31/8/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 2016/QĐ-ĐHGTVT ngày 11/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Giao thông vận tải ban hành Quy định về tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường Đại học Giao thông vận tải;

Căn cứ Công văn số 6931/BGDĐT-QLCL ngày 29/10/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ đối với tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ như sau:

- Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ trong **Phụ lục 1**, các chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị trong **Phụ lục 2** và các chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh **Aptis ESOL, PTE Academic, PEIC** cấp bởi các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi tại các địa điểm quy định.

- Chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ trong **Phụ lục 3**, các chứng chỉ được cấp bởi các đơn vị trong **Phụ lục 2** và các chứng chỉ năng lực ngoại ngữ tiếng Anh **Aptis ESOL, PTE Academic, PEIC** cấp bởi các đơn vị được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức thi tại các địa điểm quy định.

Các chứng chỉ ngoại ngữ được sử dụng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ phải còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Vậy Trường Đại học Giao thông vận tải thông báo để các đơn vị trong toàn trường, các thí sinh dự tuyển trình độ thạc sĩ, trình độ tiến sĩ biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong trường;
- Thí sinh dự tuyển;
- PH tại TP.HCM;
- Lưu: HCTH, KTĐBCLĐT (5).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
GIAO THÔNG
VẬN TẢI
PGS.TS. Lê Hoài Đức

Phụ lục 1: DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Kèm theo Thông báo số 965 /TB-ĐHGTVT ngày 18 /11/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30 - 45	46 - 93
		TOEFL ITP	450 - 499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 - 6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCP: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2

Danh sách các chứng chỉ và đơn vị được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ được dùng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Cục quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và đào tạo tại địa chỉ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/>.

**Phụ lục 2: DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ CẤP CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO
KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC DÙNG CHO VIỆT NAM
(TIẾNG ANH) DO BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÔNG BỐ**

*(Kèm theo Thông báo số 965 /TB-ĐHGTVT ngày 18 / 11/2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)*

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM
22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Trường Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường ĐH Tài chính - Marketing
36	Trường ĐH Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Danh sách các đơn vị cấp chứng chỉ ngoại ngữ theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Tiếng Anh) do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Cục quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và đào tạo tại địa chỉ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/>. Mẫu chứng chỉ thực hiện theo Quyết định số 5023/QĐ-BGDĐT ngày 30/11/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.



Phụ lục 3: DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI SỬ DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ
 (Kèm theo Thông báo số: 965 /TB-ĐHGTVT ngày 18 /11/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học GTVT)

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 First/B2 Business Vantage/Linguaskill Thang điểm: từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên DELF B2 trở lên Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên •
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

Danh sách các chứng chỉ và đơn vị được phép cấp chứng chỉ ngoại ngữ được dùng trong tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ thường xuyên được cập nhật trên trang thông tin điện tử của Cục quản lý chất lượng- Bộ Giáo dục và đào tạo tại địa chỉ <https://vqa.moet.gov.vn/vi/>.